TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/DS-PT.
Ngày: 17-01-2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Các Thẩm phán: 1. Ông Đặng Văn Những

2. Bà Trịnh Thị Phúc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Yến Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 477/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2023/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 829/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Như T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp R, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T là: Bà Ngô Thị Kim D, sinh năm 1982. Địa chỉ: số D đường T, khu phố E, phường B, thị xã K, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Đoàn Kim T1, sinh năm 1985 và ông Phan Văn T2, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Đoàn Kim T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Đặng Thị Như T trình bày: Bà T và bà T1 có quen biết nhau nên bà có cho bà T1 vay số tiền 70.000.000 đồng và bà T1 có nợ tiền hụi của bà là 141.000.000 đồng. Đến ngày 07/4/2023 bà và bà T1 cộng chốt nợ với nhau, bà T1 làm biên nhận là bà T1 và ông T2 có nợ bà số tiền là 211.000.000 đồng, thời hạn là 03 tháng, đến ngày 07/6/2023 sẽ trả toàn bộ số nợ trên. Nhưng đến hẹn bà T1 không

thực hiện đúng lời hứa nên bà T khởi kiện yêu cầu bà T1 và ông T2 có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền gốc là 211.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Đoàn Kim T1 trình bày: Bà thừa nhận có mượn tiền bà T để đáo hạn thấu chi là 70.000.000 đồng và còn nợ tiền hụi của bà T, số tiền hụi bao nhiêu thì bà T1 không nhớ. Bà T1 thừa nhận ngày 07/4/2023 bà T1 và bà T có chốt lại số nợ là 211.000.000 đồng. Trong số tiền 211.000.000 đồng trên có khoảng 30.000.000 đồng là tiền lãi, bà xin bà T giảm cho bà số tiền lãi 30.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Bà thừa nhận bà và ông T2 là vợ chồng hợp pháp nhưng việc bà mượn tiền và chơi hụi với bà T thì ông T2 hoàn toàn không biết nên bà yêu cầu chỉ một mình bà có nghĩa vụ trả nợ cho bà T.

Bị đơn ông Phan Văn T2 trình bày: ông và bà T1 là vợ chồng hợp pháp, nhưng việc bà T cho bà T1 mượn tiền, chơi hụi thì ông hoàn toàn không biết đến khi bà T khởi kiện ông mới biết, nên ông không đồng ý liên đới cùng bà T1 trả nợ cho bà T. Ngoài ra, ông không có ý kiến gì khác.

Vụ án được Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường đã tuyên:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 và Điều 288 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Như T đối với bà Đoàn Kim T1 và ông Phan Văn T2.

Buộc bà Đoàn Kim T1 và ông Phan Văn T2 phải liên đới trả cho bà Đặng Thị Như T số tiền là 211.000.000 đồng (hai trăm mười một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Buộc bà Đoàn Kim T1 và ông Phan Văn T2 phải liên đới chịu 10.550.000 đồng án phí. Bà Đặng Thị Như T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Đặng Thị Như T số tiền 5.275.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000181 ngày 28/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án đối với các đương sự.

Ngày 03 tháng 10 năm 2023, bà Đoàn Kim T1 có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu liên đới trả nợ của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu trả dần của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo và giữ nguyên ý kiến. Các bên đương sự không đề nghị thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Đoàn Kim T1 là không có căn cứ, nên không chấp nhận. Đề nghị, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Đoàn Kim T1 được làm đúng theo quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án và giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Phan Văn T2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T2.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Đoàn Kim T1:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị Như T và bị đơn bà Đoàn Kim T1 thống nhất bà T1 có vay của bà T số tiền 211.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 07/4/2023, thời hạn vay là 60 ngày. Đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2.2] Theo biên bản hòa giải ngày 15/8/2023 bà T1 trình bày là trong số tiền 211.000.000 đồng có khoảng 30.000.000 đồng là tiền lãi. Tuy nhiên, bà T1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có căn cứ để xem xét. Quá trình Tòa giải quyết vụ án bà T1 và ông T2 thừa nhận ông T2 và bà T1 là vợ chồng hợp pháp, nhưng việc bà T1 vay tiền của bà T khi nào, mục đích vay tiền để làm gì, vay bao nhiêu tiền và bà T1 chơi hụi với bà T thì ông T2 hoàn toàn không biết, đến khi bà T khởi kiện ra Tòa ông T2 mới biết nên ông T2 không có liên quan đến số tiền nợ này, vì vậy ông T2 không đồng ý liên đới trả nợ cho bà T. Xét thấy, ông T2 với bà T1 là vợ chồng hợp pháp, vào thời điểm bà T1 vay tiền bà T thì ông T2 với bà T1 đang sống chung nhà, việc bà T1 vay tiền, chơi hụi với bà T sử dụng vào mục đích đáo hạn nợ Ngân hàng là

nhằm sử dụng chung cho sinh hoạt và phát triển kinh tế của gia đình. Quá trình giải quyết vụ án ông T2, bà T1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình và sau khi Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án thì ông T2 không đồng ý liên đới trách nhiệm trả nợ cùng với bà T1 nhưng ông T2 không có kháng cáo bản án sơ thẩm, chỉ có bà T1 kháng cáo bản án sơ thẩm. Do đó, có căn cứ xác định bà T1 và ông T2 có nợ bà T số tiền 211.000.000 đồng và buộc ông T2 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ liên đới cùng bà T1 trả nợ cho bà T số tiền 211.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Điều 288, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2.3] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà T1 yêu cầu được trả dần số tiền 211.000.000 đồng là mỗi tháng trả 2.500.000 đồng cho đến khi hết số nợ. Xét thấy, người đại diện theo ủy quyền của bà T không đồng ý cho bà T1 xin trả dần số tiền nợ mà bà T yêu cầu trả một lần và pháp luật cũng không quy định về việc cho trả dần số tiền nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

[3] Từ những phân tích trên: Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Như T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên kháng cáo của bà Đoàn Kim T1 không có căn cứ nên không chấp nhận.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đoàn Kim T1 phải chịu án phí do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đoàn Kim T1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 73/2023/DS-ST ngày 25/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 148, Điều 272, Điều 273, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 288 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Như T về việc "tranh chấp hợp đồng vay" với bà Đoàn Kim T1 và ông Phan Văn T2.

1.1. Buộc bà Đoàn Kim T1 và ông Phan Văn T2 phải liên đới trả cho bà Đặng Thị Như T số tiền là 211.000.000 đồng (hai trăm mười một triệu đồng).

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bà Đoàn Kim T1 và ông Phan Văn T2 phải liên đới chịu 10.550.000 đồng.

2.2. Bà Đặng Thị Như T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Đặng Thị Như T số tiền 5.275.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000181 ngày 28/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đoàn Kim T1 phải chịu 300.000 đồng án phí, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà T1 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000240 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-TAND cấp cao tại TP . HCM;
-VKSND tỉnh Long An;
- TAND TX Kiến Tường;
- Chi cục THADS TX Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Cẩm Hồng